

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
E

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 330/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị N - Sinh năm 1976.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc V - Sinh năm 1965.

Cùng trú tại: Số 346 N, phường H, quận L, Tp Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị N – sinh năm 1976 và ông Nguyễn Ngọc V – sinh năm 1965; Cùng trú tại: Số 346 N, phường H, quận L, TP Đà Nẵng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Ngọc V thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 225/2002 ngày 24.12.2002 của UBND phường H, quận L, Tp Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Ngọc V cùng xác nhận có 02 con chung Nguyễn Thị Ngọc H – sinh ngày 17.11.2003, Nguyễn Ngọc D –sinh ngày 14.6.2006 và cùng thống nhất thoả thuận như sau: Bà Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Thị Ngọc H – sinh ngày 17.11.2003, Nguyễn Ngọc D –sinh ngày 14.6.2006. Ông Nguyễn Ngọc V không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị N có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung ngày 29.8.2018. Vì vậy đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Trần Thị N về việc yêu cầu chia tài sản chung đối với nhà và đất tại thửa số 9, tờ bản đồ số 52, diện tích 169 m² tại Tổ 32, phường H, quận L, Tp Đà Nẵng được Sở tài nguyên và môi trường cấp sổ số CA 481296 ngày 17.7.2015 đứng tên ông Nguyễn Ngọc V và bà Trần Thị N. Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Ngọc V cùng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Ngọc V cùng xác nhận không có.

- Về án phí HNGĐ sơ thẩm 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) bà Trần Thị N tự nguyện chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) do bà N đã nộp theo biên lai thu số 0003105 ngày 30.7.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng. Như vậy hoàn trả lại bà Trần Thị N số tiền chênh lệch án phí đã nộp là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*).

Bà Trần Thị N có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 3.750.000 đồng (ba triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng) do bà N đã nộp theo biên lai thu số 0003105 ngày 30.7.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND p. H, q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Phạm Thanh Thủy